

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **181/2023/DS-PT**

Ngày: 16/05/2023

*V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt
hại do người thi hành công vụ gây ra*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lữ Đình C, sinh năm 1975; địa chỉ: Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Quang H; địa chỉ: 104H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện K; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc P – C/v: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Quang V – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Ông Đỗ Tấn Ph; địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân B; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Ông Y K; địa chỉ: Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị G. Có mặt.

6. Bà Lữ Thị X. Có mặt.

Cùng trú tại: Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Lữ Thị N; địa chỉ: TDP 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

7. Bà Lữ Thị Kim Y; địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

8. Anh Lữ Đình N. Vắng mặt.

9. Bà Võ Thị Kim H. Vắng mặt.

10. Chị Lữ Thị Minh T. Vắng mặt.

Cùng trú tại: TDP 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

11. Chị Lữ Thị Minh N2; địa chỉ: TDP 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

12. Chị Lữ Thị Minh B; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H, chị T, chị N2, chị B: Anh Lữ Đình N. Vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Tấn T1. Vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Tấn T2. Vắng mặt.

Cùng trú tại: TDP 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

15. Ông Lâm Thanh T3. Vắng mặt.

16. Bà Võ Thị Thanh N3. Vắng mặt.

Cùng trú tại: TDP 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại Tòa án, nguyên đơn ông Lữ Đình C trình bày:

Trước năm 1998, cha tôi là Lữ X chủ sử dụng toàn bộ diện tích 4.695m² đất, trong đó có thửa đất số 104, diện tích 1.534m², tờ bản đồ số 10 tại Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt là thửa số 104), đã được thể hiện trong Sổ mục kê đất đai năm 1999.

Năm 1998, cha tôi uỷ quyền cho tôi được toàn quyền sử dụng diện tích đất này và thực tế tôi là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ đất đai, tài sản trên đất do cha tôi để lại cho đến ngày nay. Vấn đề này cũng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K thừa nhận trong Quyết định số 131/QĐ – UBND ngày 24/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại của tôi.

Năm 2002, UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 818342 cho tôi.

Năm 2016, khi bà Võ Thị Thanh N3 đến định xây dựng nhà cửa trên thửa đất số 104 thì tôi mới biết vào năm 2008, ông Lữ X chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Vương Miên P và bà Phạm Thị M, sau nhiều lần chuyển nhượng đến nay thì bà Võ Thị Thanh N3 và ông Lâm Thanh T là người cuối cùng.

Lúc này, tôi mới phát hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 818342 ngày 16/12/2002 của tôi không có thửa đất số 104, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.534 m². Tôi khẳng định rằng hồ sơ để Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vương Miên P và bà Phạm Thị M đối với thửa đất số 104 là hoàn toàn giả mạo, cố ý làm trái quy định của pháp luật về đất đai: Cha tôi tên là Lữ X chứ không phải là Lữ X1, cha tôi sinh năm 1927 chứ không phải sinh năm 1928 như trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vương Miên P và bà Phạm Thị M đã thể hiện.

Trong hồ sơ người chuyển nhượng là ông Lữ X, bà Nguyễn Thị H nhưng ông X và bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vậy mà Ủy ban nhân dân huyện K lại làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng cho ông Vương Miên P, bà Phạm Thị M là vi phạm pháp luật về đất đai. Hiện nay, thửa đất 104 này đã được chuyển nhượng qua nhiều chủ sử dụng nên không thể thu hồi. Mặc dù tôi đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện K yêu cầu bồi thường thiệt hại cho gia đình tôi nhưng Ủy ban nhân dân huyện K không giải quyết. Vì vậy, nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường thiệt hại cho tôi với số tiền là 2.410.918.000 đồng, bao gồm: Tiền thuê luật sư: 10.000.000 đồng; Tiền giám định chữ ký, chữ viết: 5.500.000 đồng; tiền định giá, thẩm định tài sản: 14.500.000 đồng; Tiền công đi lại: 40.000.000 đồng; Tiền phô tô giấy tờ: 10.000.000 đồng; Tổng thất tinh thần: 50.000.000 đồng; Tiền đất: 2.110.918.000 đồng.

Đại diện bị đơn Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:

Trước khi ông Lữ Đình C khởi kiện tại Tòa án, Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã xem xét, giải quyết khiếu nại đơn của ông Lữ Đình C. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu của ông Lữ Đình C về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường giá trị thửa đất số 104, diện tích 1.534m², tờ bản đồ số 10 tại Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất này, cha ruột ông là ông Lữ X(trong giấy ủy quyền ghi là Lữ X là do nhờ người quen ghi dùm) đã lập giấy ủy quyền ngày 17/4 năm Mậu Dần (tức năm 1998) để lại cho ông toàn quyền quản lý và sử dụng. Từ đó đến nay, ông là người trực tiếp quản lý, canh tác trên thửa đất này. Từ khi cha ông ủy quyền đất lại cho ông quản lý và sử dụng, cha ông đã xuất gia tu hành không liên quan gì đến việc bán đất. Do đó, theo ông, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 104, diện tích 1.534m², tờ bản đồ số 10 là giả mạo chữ ký của cha ông để chiếm đoạt đất của gia đình ông. Hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này giữa ông Lữ X với ông Vương Miên P, bà Phạm Thị M đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chứng thực vào ngày 13/6/2008. Việc ông C bị thiệt hại về tài sản chưa được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kiểm tra, xác minh và kết luận. Do vậy, để có cơ sở xem xét bồi thường thiệt hại, Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xác định rõ hành vi giả mạo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha ruột ông Lữ Đình C là ông Lữ X với ông Vương Miên P, bà Phạm Thị M và xác định rõ hành vi của người thi hành công vụ trái pháp luật gây thiệt hại cho ông Lữ Đình C, người thi hành công vụ thuộc về cá nhân, cơ quan, tổ chức nào gây ra.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2022, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Trong hồ sơ có biên bản kiểm tra xác minh thực địa ngày 05/5/2008 tại phần ý kiến các chủ sử dụng đất liền kề có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị G là do tôi ký và viết họ và tên của tôi vì tôi nghĩ rằng đây là hồ sơ liên quan đến việc vợ, chồng tôi chuyển nhượng 20m bề ngang theo đường đi cho ông Nguyễn Tấn T1, mà chúng tôi mới viết giấy tay. Sau đó ông T1 chuyển nhượng lại 12m cho ông P. Vì thế ông T1 nhờ vợ chồng tôi ký giấy tờ chuyển nhượng trực tiếp cho ông P. Khi ký tôi nghĩ như trên nên không đọc nội dung biên bản kiểm tra, xác minh.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2021 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, ông Hồ Quang V – Đại diện UBND xã H trình bày:

Vào năm 2008, UBND xã H nhận đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lữ X đối với thửa đất 104, UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã kiểm tra xác minh thực địa, hồ sơ địa chính, thấy rằng thửa đất 104 chưa có tổ chức, hộ gia đình hay cá nhân nào xin kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất cũng không có tranh chấp hay kê biên để thi hành án có liên quan. UBND xã H cũng đã niêm yết công khai 15 ngày kể từ ngày 10/5/2008 đến hết ngày 25/5/2008 nhưng không có ý kiến hay kiến nghị gì của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên cho ông Lữ X. Do vậy, UBND xã H đã hoàn chỉnh hồ sơ, lập tờ trình trình UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lữ X. Vào thời điểm này, ông Lữ X lại chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho ông Vương Miên P nên UBND xã H hướng dẫn các bên liên quan hoàn tất các thủ tục kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho các bên liên quan và đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 181850 cho hộ ông Vương Miên P và bà Phạm Thị M.

Việc ông Lữ X viết giấy uỷ quyền quyền sử dụng đất cho ông Lữ Đình C là không phù hợp với quy định của pháp luật vì thửa đất 104 chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thể hiện ranh giới thửa đất với các hộ liền kề

Tại bản tự khai ngày 03/5/2018 và tại các buổi làm việc tại Toà án, ông Đỗ Tấn P trình bày:

Vào năm 2008, tôi giữ chức vụ chủ tịch UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tôi có chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lữ X, bà Nguyễn Thị H với ông Vương Miên P, bà Phạm Thị M vào ngày 13/6/2008, hồ sơ chứng nhận quyền sử dụng đất đó, tôi giao cho địa chính xã là ông Nguyễn Văn B kiểm tra, xác minh cụ thể thửa đất 02 bên chuyển nhượng. Khi tôi ký chứng thực hợp đồng này, tôi có kiểm tra hồ sơ hai bên đều có giấy ký sang nhượng. Theo tôi hồ sơ này thời điểm đó là đầy đủ thủ tục vì ký chuyển về phòng Tài nguyên – Môi trường huyện để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003 vì giữa hai bên lúc đó đang làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nên phải làm thủ tục viết giấy sang nhượng. Theo tôi, thửa đất này là của ông Lữ X chuyển nhượng cho ông Phúc chứ không phải đất của ông Lữ Đình C. Địa chính xã xuống hiện trường chuyển nhượng đất để làm thủ tục đưa lên Chủ tịch ký. Nay ông Lữ Đình C kiện bồi thường là vô lý. Còn giấy chuyển nhượng xã ký chuyển về phòng Tài nguyên – môi trường huyện tham mưu cho chủ tịch UBND huyện ký cấp quyền sử dụng đất cho ông P, với góc độ Chủ tịch UBND xã, tôi chỉ ký chuyển cho UBND huyện.

Tại bản tự khai ngày 29/10/2018, ông Trần Quốc N trình bày:

Vào năm 2008, lúc đó tôi là Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 10/5/2008, tôi được phân công là Chủ tịch Hội đồng đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Lữ X, thửa đất 104, diện tích 1.534m² nhận thấy hồ sơ đã đầy đủ nên tôi cùng các đồng chí trong hội đồng xét duyệt thống nhất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lữ X.

Ông Nguyễn Xuân B (nguyên là cán bộ địa chính xã H) trình bày:

Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lữ X với ông Vương Miên P và bà Phạm Thị M là do ông làm vì khi đấy ông là cán bộ địa chính của xã H. Khi làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông Lữ X nói là giấy tờ tùy thân bị mất nên không thể cung cấp cho xã để làm hồ sơ được. Vì vậy, tôi dựa vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 5/5/2008 của ông Lữ X và lời trình bày của ông X để lập hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Mặt khác, thửa đất 104 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, ông C cũng chưa làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Mặt khác, khi tôi lập hồ sơ xong chuyển lên huyện đề nghị huyện cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P và bà M thì được huyện chấp nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P và bà M mà không thấy trả về để làm lại nên tôi nghĩ hồ sơ đã hoàn tất đúng thủ tục.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2019, ông Y K trình bày:

Vào tháng 5/2008, ông Lữ X hay còn gọi ông Lữ X có đến nhà tôi (vì lúc đấy tôi làm buôn trưởng) xin xác nhận xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi nhớ ông Lữ X và con dâu là Nguyễn Thị G cùng đến nhà tôi, sau khi kiểm tra đơn của ông Lữ X, tôi thấy hoàn toàn đúng sự thật nên đã ký xác nhận và đề nghị cấp trên làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lữ X.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2018 bà Lữ Thị X (H) trình bày:

Cha tôi là Lữ X có 05 người con: Lữ Đình S, Lữ Thị X (H), Lữ Thị N, Lữ Đình C, Lữ Thị Kim Y. Từ trước đến nay, ông Lữ X có 4.695m² đất tại Buôn Z, xã H, trong đó có thửa đất 104 hiện đang tranh chấp. Khi còn sống, cha tôi không sang nhượng hoặc cho tặng bất cứ cho ai. Ông Lữ X chỉ để lại giấy uỷ quyền toàn bộ số đất trên cho ông Lữ Đình C để nuôi mẹ già. Giấy uỷ quyền cha tôi nhờ người viết dùm vì tuổi cao, mắt kém. Chữ ký trong giấy uỷ quyền là chữ ký của cha tôi. Ông Lữ X và bà Nguyễn Thị H không chuyển nhượng đất cho ông Vương Miên P, bà Phạm Thị M. Việc UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chứng thực Hợp đồng không đúng thực tế. Nay ông Lữ Đình C khởi kiện buộc UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk bồi thường giá trị lô đất này, tôi đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, tôi không thắc mắc, khiếu nại, tranh chấp gì bởi vì cha tôi là Lữ X đã cho diện tích trên cho anh Lữ Đình C. Anh Lữ Đình C cũng là người trực tiếp sử dụng diện tích đất trên và nuôi dưỡng mẹ tôi, tôi không yêu cầu tranh chấp thừa kế.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2018, bà Lữ Thị Kim Y trình bày:

Tôi là con gái ông Lữ X, cha tôi có 05 người con là Lữ Đình S, Lữ Thị X, Lữ Thị N, Lữ Đình C và tôi là Lữ Thị Kim Y. Cha tôi có 4.695m² đất tại Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có thửa đất 104 hiện đang tranh chấp, cha tôi chỉ để lại giấy uỷ quyền toàn bộ diện tích đất trên cho anh Lữ Đình C. Tôi không tranh chấp về thừa kế. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lữ Đình C.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2018, bà Võ Thị Thanh N3 trình bày:

Tôi mua thửa đất số 104 của ông Phạm Quang T và bà Nguyễn Thị Thu N2 với số tiền 154.000.000 đồng. Ông Lữ Đình C là người giới thiệu tôi mua thửa đất này của ông T, bà N2, ông C cũng cho tôi số điện thoại của bà N2 để tôi liên lạc. Khi mua thửa đất 104 này, tôi không hề hay biết về vấn đề tranh chấp xảy ra, tôi cũng tìm hiểu nguồn gốc thửa đất tại phòng địa chính huyện và được biết lô đất này là hợp pháp. Khi tôi mua thửa đất này, chồng tôi không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019, ông Nguyễn Tấn T2 trình bày:

Vào năm 2004, tôi có mua của ông Lữ Đình C, bà Nguyễn Thị G một miếng đất chiều ngang 20m, chiều dài là 130m, diện tích 2.600m² với số tiền là 8.000.000 đồng. Vị trí thửa đất: là phần đất giáp đất khu nhà nghỉ Gia Trang bây giờ.

Phía Đông giáp: Đường giao thông nông thôn: 20m

Phía Tây giáp: Ruộng lúc người đồng bào ê đê : 130m

Phía Nam giáp: nhà nghỉ G: 130m (từ bờ mương xuống ruộng lúa)

Phía Bắc giáp: phần đất còn lại của gia đình Lữ Đình C.

Tiền tôi giao xong nhưng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa làm thủ tục sang tên được. Năm 2008, tôi sang lại cho anh Đỗ Ngọc D 10m chiều ngang, chiều dài 130m với số tiền 100.000.000 đồng, phần đất này giáp với đất G. Do trước đó, ông C, bà G chưa sang sổ đỏ cho tôi nên khi bán cho anh D tôi đã nhờ ông C, bà G sang thẳng tên cho anh D 10m chiều ngang mặt đường.

Sau đó, khoảng mấy tháng thì tôi chuyển nhượng tiếp 10m còn lại cho ông Vương Miên P, nhưng ông P chỉ mới đặt cọc cho tôi được 20.000.000đ, hẹn 15 ngày sau sẽ giao đủ cho tôi số tiền còn lại là 80.000.000đ (10m đất khi đó trị giá 100.000.000đ) hai bên thỏa thuận 15 ngày sau, ông P không trả số tiền còn lại cho tôi thì mất tiền đặt cọc. Tuy nhiên, cho đến nay, ông P vẫn chưa trả cho số tiền 80.000.000đ này. Sau 15 ngày, ông P tự ý nói với ông C là đã giao đủ tiền mua đất (80.000.000đ còn lại) cho tôi và tự ông C và ông P đi tách sổ đỏ cho ông P. Sau một thời gian, ông C báo lại sự việc là đã cắt 10m đất làm xong sổ đỏ cho ông P thì tôi tìm ông P và yêu cầu ông P hoàn trả lại đất cho tôi, lúc này ông P nói sổ đỏ đã đi cầm cho người khác, sổ đỏ mang số AM 181850. Do không có tiền trả cho tôi nên ông P sẽ chuyển lại thửa đất trên cho tôi. Tuy nhiên, cho đến nay, sổ đỏ ông P cũng mang đi đâu tôi không biết, ông Đỗ Ngọc D và ông Vương Miên P đi đâu tôi không biết.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2021, anh Lữ Thành N trình bày:

Tôi là con trai ông Lữ Đình S , là cháu nội của ông Lữ X. Theo tôi được biết thì ông nội tôi (Lữ X) không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vương Miên P. UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Vương Miên P là không đúng quy định, tôi đồng ý với yêu cầu UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường giá trị diện tích đất đã bị thiệt hại cho chú tôi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2022, ông Lữ M trình bày:

Ngày 17/4 năm Mậu dần, tức là năm 1998, ông Lữ X, tôi gọi là ông vì là người trong tộc có nhờ tôi viết giấy uỷ quyền (di chúc), uỷ quyền đất đai, nhà cửa của gia đình cho vợ chồng con trai út là Lữ Đình C toàn quyền sử dụng phần diện tích đất của gia đình đã khai hoang tại Buôn Z, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khi

đó ông Lữ X hơn 70 tuổi, còn minh mẫn, ông Lữ X còn lên chùa đi tu, làm công quả được, mặc dù ông Lữ X chỉ đi bộ.

Khi đó, tôi và ông Lữ X cùng đi làm công quả tại chùa P, huyện K, Đắk Lắk, ông X cũng đã lớn tuổi, viết chữ khó khăn nên đã nhờ tôi viết dùm. Lúc đấy chỉ có tôi và ông Lữ X cùng ngồi để viết. Những lời trong giấy uỷ quyền này do ông X đọc cho tôi viết, tôi viết xong, tôi đọc lại cho ông X nghe nội dung và ông X đồng ý với bản tôi viết dùm. Khi viết xong ông Lữ X ký vào giấy và cất giữ.

Trong giấy uỷ quyền này, tôi viết tên ông Lữ X là Lữ X1 do tôi chỉ nghe đọc, tiếng quảng nói Lữ X1, tôi nghe nên viết vậy, tôi không biết giấy tờ tên của ông là Lữ X, bình thường chúng tôi gọi là ông S, khi nghe ông đọc là Lữ X1 nên tôi viết vậy. Sau này tôi mới biết trên giấy tờ tên của ông là Lữ X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 158, 161, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 236 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 97, 100, 203 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Lữ Đình C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường số tiền 2.410.918.000 đồng. Bao gồm: Tiền thuê luật sư: 10.000.000 đồng; Tiền giám định chữ ký, chữ viết: 5.500.000 đồng; tiền định giá, thẩm định tài sản: 14.500.000 đồng; Tiền công đi lại: 40.000.000 đồng; Tiền phô tô giấy tờ: 10.000.000 đồng; Tổn thất tinh thần: 50.000.000 đồng; Tiền đất: 2.110.918.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 29/9/2022, nguyên đơn ông Lữ Đình C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21/4/2023, ông Lữ Đình C có đơn thay đổi bổ sung đơn kháng cáo, nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đây là loại án giải quyết theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước nhưng chưa có Bản án hoặc Văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định tại Điều 7 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 20/2021/DSST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lữ Đình C được nộp trong thời hạn luật định, được tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ông Lữ Đình C khởi kiện và cho rằng hồ sơ đề Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104 cho hộ ông Vương Miên P và bà Phạm Thị M là giả mạo; chữ ký, chữ viết trong các giấy tờ liên quan đến việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất không phải chữ ký, chữ viết của ông Lữ X. Bởi lẽ, cha ông tên là Lữ X, sinh năm 1927 chứ không phải là Lữ X1, sinh năm 1928 như trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông P, bà M. Vì vậy, ông Lữ Đình C đã làm đơn khởi kiện UBND huyện K theo Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước. Đề nghị Tòa án buộc UBND huyện K phải bồi thường các thiệt hại với tổng số tiền 2.410.918.000 đồng.

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện và cho rằng Ủy ban nhân dân huyện K làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng cho ông Vương Miên P, bà Phạm Thị M là vi phạm pháp luật về đất đai dẫn đến thiệt hại cho gia đình nguyên đơn. Tuy nhiên, thời điểm khởi kiện cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án chưa có Bản án hoặc Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định tại Điều 7 của Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước.

Điều 7. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây:

a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này;

c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại.

2. Căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng bao gồm:

a) Có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật này và có yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự giải quyết yêu cầu bồi thường;

b) Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính đã xác định có hành vi trái pháp luật của người bị kiện là người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và có yêu cầu bồi thường trước hoặc tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại;

Điều 8. Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính

Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 17 của Luật này bao gồm:

1. Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;

2. Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại của người khiếu nại;

3. Quyết định hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính vì quyết định đó được ban hành trái pháp luật;

4. Quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ bị tố cáo trên cơ sở kết luận nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật về tố cáo;

5. Quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ trên cơ sở kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra;

6. Quyết định xử lý kỷ luật người thi hành công vụ do có hành vi trái pháp luật;

[3] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra*” nhưng chưa có Bản án hoặc Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ, trả lại đơn khởi kiện cho ông C theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự mà đưa ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự cần hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Lữ Đình C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[1] Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lữ Đình C.

[2] Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Hoàn trả cho ông Lữ Đình C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 9.600.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001779 ngày 09/01/2018 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013255 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Tú